

Số: 255/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 07 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim S** sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 130/4, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

* Bị đơn: Anh **Võ Hoàng N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 130/4, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim S và anh Võ Hoàng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim S và anh Võ Hoàng N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Võ Thanh Thúy, sinh ngày 22/4/2007 cho anh Võ Hoàng N nuôi dưỡng, chị Trần Thị Kim S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Chị Trần Thị Kim S có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim S tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, chị đã tạm nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003538, ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T, được căn trừ xem như chị S đã thi hành xong phần án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Noinhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU